

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số **14/2020/HSST**

Ngày 14/02/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quang; Bà Hoàng Thị Thu Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Hoàng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/TLST-HS, ngày 10/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐ-TA ngày 14/01/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cao Văn T (Tên gọi khác: Trần Văn T); Sinh năm: 1987, tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Cao Văn M; Sinh năm: 1956; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên mẹ: Trần Thị Th (Đã chết); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 109/2007/HSST ngày 12/6/2007, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Tại Bản án số 261/2008/HSST ngày 10/12/2008, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Tại Bản án số 218/2011/HSST ngày 26/9/2011, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 04/4/2012; Từ ngày 23/10/2013 đến ngày 23/10/2015, bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc do nghiện ma túy theo Quyết định số 5980/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Từ Liêm và bị quản lý sau cai nghiện 02 năm, đến ngày 14/10/2017 về địa phương; Bị bắt khẩn cấp và giam giữ từ ngày 15/10/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: Nguyễn Th, Sinh năm: 1987, tại Hà Nội; Giới tính: Nam; Địa chỉ: Số 907, Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Nguyễn Văn C (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị V; Sinh năm: 1965; Họ tên vợ: Ngô Mỹ Hằng; Có hai con (Sinh năm 2014 và 2017); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 271/2005/HSST ngày 27/6/2005, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội xử phạt Nguyễn Th 10 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng; Bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 10/8/2006 của Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng; Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 15/10/2019, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 23/10/2019; Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

- Anh Đào Văn Đ; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường N, quận Bắc Từ Liêm, T.P. Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa;

- Anh Trần Văn Ng, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 13, phường D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa;

- Anh Nguyễn Văn Tr sinh năm: 1980; Nơi thường trú: Xóm 2, xã NT, huyện L, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2019 đến ngày 12/10/2019, bị cáo Cao Văn T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02h30 ngày 17/7/2019, bị cáo T điều khiển xe đạp điện một mình đến khu vực dự án CD thuộc địa bàn phường D, quận Bắc Từ Liêm thấy ngôi nhà đang xây dựng không khóa cửa nên đã lên mở cửa đi vào phía trong, phát hiện một số công nhân đang nằm ngủ, trên giường có một chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 của anh Trần Văn Ng đang sạc pin. Bị cáo T liền lấy chiếc điện thoại và mang chiếc điện thoại về nhà cất giấu. Đến sáng cùng ngày, bị cáo đã bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông không rõ nhân thân với giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01h30 ngày 06/10/2019, bị cáo T điều khiển xe đạp điện đi đến tổ dân phố 7, phường N phát hiện cửa hàng cắt tóc do anh Đào Văn Đ làm chủ không khóa cửa, liền mở cửa đi vào trong, lấy hai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda K70 và một máy tính xách tay nhãn hiệu Asus tại quầy thu ngân của quán,

rồi mang về nhà cất giấu. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi bộ quay lại quán lấy một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ BKS 29P5-2335, có cắm sẵn chìa khóa xe và 01 đôi giày nhãn hiệu Levo Lb065, rồi điều khiển xe mang về nhà cất giấu. Trên đường về nhà, bị cáo đã vứt đôi giày.

Sáng ngày 07/10/2019, bị cáo mang hai chiếc điện thoại Kechaoda K70 đến cửa hàng sửa chữa điện thoại tại đường Cổ Nhuế bán cho anh Vũ Duy Đ là chủ cửa hàng với giá 300.000 đồng. Khi bán chiếc điện thoại, bị cáo nói hai chiếc điện thoại trên là của công nhân cầm cố cho bị cáo nhưng không lấy lại nên bán.

Ngày 08/10/2019, bị cáo T đến nhà bị cáo Nguyễn Th là họ hàng của T. Bị cáo T nói với bị cáo Th muốn bán một chiếc máy tính xách tay Asus với giá 400.000 đồng và bị cáo Th đã đồng ý mua. Bị cáo T đã nói chiếc máy tính trên là của T, nên bị cáo Th không biết đó là tài sản bị trộm cắp.

Ngày 10/10/2019, bị cáo T điều khiển xe máy Honda Wave BKS 29P5-2335 đến nhà bị cáo Th. Sau khi thỏa thuận, bị cáo Th đồng ý mua chiếc xe trên với giá 1.500.000 đồng. Bị cáo T đã nói chiếc xe trên là tài sản trộm cắp nhưng bị cáo Th vẫn đồng ý mua do ham rẻ.

Vụ thứ ba: Khoảng 02h00 ngày 12/10/2019, bị cáo T điều khiển xe đạp điện một mình đi qua số nhà 1, ngõ 1, phố K, phường N, quận Bắc Từ Liêm phát hiện trong ngôi nhà đang xây dựng có anh Nguyễn Văn Tr đang ngủ, bên cạnh để chiếc điện thoại Samsung Galaxy A10 màu đen. Bị cáo tiến lại gần và lấy chiếc điện thoại, mang về nhà cất giấu. Sáng ngày hôm sau, bị cáo T mang chiếc điện thoại trên bán cho anh Vũ Duy Đ với giá 1.200.000 đồng. Khi bán chiếc điện thoại, bị cáo nói nguồn gốc chiếc điện thoại là của công nhân cầm cố nhưng không lấy lại nên mang đi bán. Sau đó anh Đức đã bán chiếc điện thoại cho một người phụ nữ không quen biết.

Vật chứng thu giữ của bị cáo T một điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đen viền đỏ, lắp số sim 0981202965, một xe đạp điện nhãn hiệu Ninja, màu xanh; Thu giữ của bị cáo Th một điện thoại di động Iphone 6S plus, màu đen, lắp số sim 0963439009, một xe máy Honda Wave 110 màu đỏ có BKS 29P5-2335 có số máy E0073992; số khung Y074856, một laptop Asus, màu đen; Thu giữ của anh Vũ Duy Đ một điện thoại di động Kechaoda K70 màu vàng bạc, đã qua sử dụng có số Imei: 868876010531311 và 868876010531329, một điện thoại di động Kechaoda K70 màu vàng bạc, đã qua sử dụng có số Imei: 868876010539439 và 868876010539447.

Tại Kết luận định giá tài sản số 171 ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm kết luận:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 29P5 – 2335, số khung: 07486, số máy: 0073992 có trị giá là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus, màu đen, số hiệu: D7NOCJ21427130A có trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- 02 điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda K70, màu vàng – bạc đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong có giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 đôi giày thể thao nhãn hiệu Levo Lb065, màu đen – trắng có giá trị là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 187 ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm xác định:

- 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A7, màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (tài sản tương tự) có giá trị 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A10 màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (tài sản tương tự) có giá trị 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản bị cáo T chiếm đoạt là: 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn).

Ngày 03/12/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra xử lý vật chứng, trả máy tính xách tay và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda K70 cho anh Đ, anh Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Chiếc xe máy BKS: 29P5-2335, SK: 07486, SM: 0073992 không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, có chủ xe là Trịnh H; Địa chỉ: Khối 7B, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Anh H đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết từ năm 2010, chưa làm thủ tục sang tên. Anh Đào Văn Đ mua tại chợ xe Đông Anh từ năm 2011, có giấy tờ mua bán và đăng kí xe nhưng đã làm mất giấy mua bán, xác định là tài sản cá nhân của anh Đ.

Anh Vũ Duy Đ, khi mua ba chiếc điện thoại di động của bị cáo T, không biết về nguồn gốc tài sản là do bị cáo phạm tội mà có. Anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 300.000 đồng anh Đ mua hai chiếc điện thoại Kechaoda K70.

Về dân sự: Anh Ng yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng, anh Tr yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.500.000 đồng là giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nhưng không thu hồi được.

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKS, ngày 23/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố truy tố bị cáo Cao Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Th về tội “Tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn T mức án tù từ 16 đến 20 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Th mức án tù từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Về dân sự: Buộc bị cáo T bồi thường cho anh Ng số tiền 3.500.000 đồng, cho anh Tr số tiền 1.500.000 đồng; Về vật chứng: Trả lại cho anh Đào Văn Đ chiếc xe máy Honda Wave biển kiểm soát: 29P5-2335, SK: RLHHC09053Y07485607486, SM: HC09E-0073992; Tịch thu sung quỹ một xe đạp điện nhãn hiệu Ninja, màu xanh; Trả lại cho bị cáo T một điện thoại di động nhãn hiệu Itel, bị cáo Th một điện thoại di động Iphone 6S plus, màu đen, lắp số sim 0963439009.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2019 đến ngày 12/10/2019, bị cáo Cao Văn T đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt các tài sản là: một chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 của anh Trần Văn Ng, trị giá 3.500.000 đồng; một chiếc xe máy Honda Wave BKS: 29P5-2335, hai điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda K70 và 01 máy tính Asus của anh Đào Văn Đ, trị giá tài sản là 9.250.000 đồng; một chiếc điện thoại Samsung Galaxxy A10 của anh Nguyễn Văn Tr, trị giá tài sản là 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 14.250.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Th đã có hành vi tiêu thụ tài sản do bị cáo T trộm cắp được là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29P5-2335 trị giá 6.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Th đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức

được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (một chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 trị giá 3.500.000 đồng, một chiếc xe máy Honda Wave, hai điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda K70 và 01 máy tính xách tay Asus trị giá 9.250.000 đồng, một chiếc điện thoại Samsung Galaxxy A10 trị giá 1.500.000 đồng) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu, nhiều lần bị đưa ra xét xử và đã được đương nhiên xóa án theo quy định của pháp luật (Tại Bản án số 109/2007/HSST ngày 12/6/2007, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Tại Bản án số 261/2008/HSST ngày 10/12/2008, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Tại Bản án số 218/2011/HSST ngày 26/9/2011, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 04/4/2012; Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/10/2015, bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc do nghiện ma túy theo Quyết định số 5980/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Từ Liêm và bị quản lý sau cai nghiện 02 năm, đến ngày 30/9/2017 về địa phương; thể hiện bị cáo đã được giáo dục bằng pháp luật nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Bị cáo Th cũng từng bị xử lý hình sự một lần và một lần bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc. Mặc dù tiền án, tiền sự này đã được xóa từ lâu nhưng cũng thể hiện bị cáo đã được giáo dục bằng pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Xét hành vi phạm tội, tính chất tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nghiêm đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về dân sự và vật chứng vụ án: Anh Đào Văn Đ đã nhận lại chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Asus và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Kechaoda K70 và không yêu cầu bồi thường gì khác. Chiếc xe máy Honda Wave biển kiểm soát: 29P5-2335, SK: RLHHC09053Y07485607486, SM: HC09E-0073992 là tài sản của anh Đ, bị bị cáo chiếm đoạt, không có trong dữ liệu vật chứng, cần trả lại cho anh Đào Văn Đ. Số tiền 300.000 đồng bị cáo T bán hai chiếc điện thoại Kechaoda K70 cho anh Vũ Duy Đ mà có, anh Đ không yêu cầu bị cáo trả lại, là tài sản bị cáo có được do phạm tội mà có cần

buộc bị cáo T nộp sung quỹ Nhà nước. Anh Ng yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng, giá trị chiếc điện thoại Samsung Galaxy A7 do bị cáo trộm cắp hiện không thu hồi được, anh Tr yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.500.000 đồng là giá trị chiếc điện thoại Samsung Galaxy A10 bị cáo chiếm đoạt nhưng không thu hồi được là có căn cứ, cần chấp nhận. Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ninja, màu xanh là tài sản của bị cáo T dùng làm phương tiện liên lạc phương tiện di chuyển để thực hiện hành vi phạm tội, liên quan đến tội phạm cần tịch thu sung quỹ. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL thu giữ của bị cáo T và một điện thoại di động Iphone 6S plus, màu đen, lắp số sim 0963439009 thu giữ của bị cáo Th, không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ở các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, điều tra viên, cơ quan kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các quyền nghĩa vụ của mình, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, khởi tố, kết luận điều tra, truy tố bị cáo theo đúng tội danh, khung hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. T bố bị cáo Cao Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Th phạm tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2019.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Th 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/10/2019 đến ngày 23/10/2019.

4. Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2018/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

4.1. Về dân sự: Bị cáo T phải bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 3.500.000 đồng và anh Nguyễn Văn Tr số tiền 1.500.000 đồng.

4.2. Về vật chứng vụ án: Buộc bị cáo T nộp số tiền 300.000 đồng thu lời bất chính sung quỹ Nhà nước; Trả lại cho anh Đào Văn Đ chiếc xe máy Honda Wave màu

đỏ, biển kiểm soát: 29P5-2335, SK: RLHHC09053Y07485607486, SM: HC09E-0073992 đã qua sử dụng; Tịch thu sung quỹ chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Ninja màu xanh, đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo T một điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen, viên đỏ đã qua sử dụng lắp sim số 098202965 và cho bị cáo Th một điện thoại di động Iphone 6S plus, màu đen, lắp sim số sim 0963439009 đã qua sử dụng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm).

4.3. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa T án. Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên của anh Ngọ, anh Trường, nếu bị cáo T không thi hành thì phải chịu một khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại
- VKS ND Q. Bắc Từ Liêm;
- VKSND; TAND TP Hà Nội;
- Công an Q. Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Loan